

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ IV NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
NAM MÊ KÔNG



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

MỤC LỤC	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2
3. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	4 - 7
5. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	8
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
7. Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101311837 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 9 năm 2002. Sau đó, Công ty cũng nhận được cấp các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 28 vào ngày 28 tháng 08 năm 2025.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là kinh doanh bất động sản, xây lắp và một số hoạt động khác được đăng ký trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp. Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 13 tháng 12 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Kiều Xuân Nam	Chủ tịch
Ông Đặng Minh Huệ	Thành viên
Ông Phạm Xuân Ưởng	Thành viên
Ông Phí Anh Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tuấn Minh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Nga	Thành viên
Bà Phạm Thị Vân	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Minh Huệ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Ưởng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Đình Lượng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Kiều Xuân Nam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ông Đặng Minh Huệ, Tổng Giám đốc.

013
ÔNG
ĐẶNG
MINH
HUỆ
TỔNG
GIÁM
ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,374,309,580,085	2,640,648,204,607
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	IV.1	18,919,626,618	82,016,083,730
1. Tiền	111		18,919,626,618	26,967,083,730
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	55,049,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		70,000,000,000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	IV.2	70,000,000,000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		469,825,893,362	522,033,133,167
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	IV.3	35,361,113,181	71,730,140,218
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	IV.4	212,098,276,716	255,658,177,591
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		13,000,000,000	13,000,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	IV.5	251,398,628,400	223,676,940,293
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	IV.6	(42,032,124,935)	(42,032,124,935)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	IV.7	1,752,173,790,856	1,955,181,535,421
1. Hàng tồn kho	141		1,752,173,790,856	1,955,181,535,421
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		63,390,269,249	81,417,452,289
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8,338,953,822	14,750,967,420
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		55,051,315,427	66,666,484,869
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		692,782,323,026	446,124,038,305
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		187,791,096,136	268,041,096,136
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		18,020,096,136	18,020,096,136
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		169,750,000,000	250,000,000,000
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		21,000,000	21,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		17,497,450,262	15,560,712,004
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV.8	14,877,271,870	12,853,015,728
- Nguyên giá	222		34,708,446,854	27,523,058,970
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(19,831,174,984)	(14,670,043,242)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	IV.9	2,620,178,392	2,707,696,276
- Nguyên giá	228		4,375,894,383	4,375,894,383
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,755,715,991)	(1,668,198,107)
III. Bất động sản đầu tư	230	IV.10	9,856,955,458	12,270,937,458
- Nguyên giá	231		57,777,144,124	57,777,144,124
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(47,920,188,666)	(45,506,206,666)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	711,717,335
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	IV.11	-	711,717,335
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		396,380,927,956	146,288,224,670
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	IV.12	396,380,927,956	146,288,224,670
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		81,255,893,214	3,251,350,702
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		618,580,254	17,607,845
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4,338,839,755	3,233,742,857
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		76,298,473,205	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3,067,091,903,111	3,086,772,242,912

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,551,365,685,199	1,681,019,402,477
I. Nợ ngắn hạn	310		1,167,805,690,292	1,667,458,353,658
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	IV.13	67,331,702,932	414,173,241,599
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	IV.14	74,229,797,264	323,865,663,481
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	IV.15	41,345,472,047	36,578,907,479
4. Phải trả người lao động	314		1,515,858,718	2,103,222,167
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	IV.16	158,488,887,825	162,842,712,070
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	IV.17	2,089,168,384	3,294,590,131
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	IV.18	699,774,163,392	608,199,914,336
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	IV.19	123,030,639,730	116,255,973,796
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	144,128,599
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		383,559,994,907	13,561,048,819
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	IV.17	10,677,033,209	12,720,389,264
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	IV.19	372,882,961,698	840,659,555
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,515,726,217,912	1,405,752,840,435
I. Vốn chủ sở hữu	410	IV.20	1,515,726,217,912	1,405,752,840,435
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1,364,142,580,000	1,251,509,390,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,364,142,580,000	1,251,509,390,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10,731,436,000	10,731,436,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2,100,000,000	2,100,000,000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		56,608,219	56,608,219
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		118,327,475,728	121,028,328,160
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8,395,138,160	55,562,299,494
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		109,932,337,568	65,466,028,666
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		20,368,117,965	20,327,078,056
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3,067,091,903,111	3,086,772,242,912

Ngày 26 tháng 01 năm 2026



Ứng Quang Sơn
Người lập biểu



Phan Tạ Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Đặng Minh Huệ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.21	72,057,609,957	157,406,515,758	607,948,751,737	611,367,733,216
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	IV.21	72,057,609,957	157,406,515,758	607,948,751,737	611,367,733,216
4. Giá vốn hàng bán	11	IV.22	42,310,932,269	114,466,439,947	416,376,891,479	434,791,751,454
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29,746,677,688	42,940,075,811	191,571,860,258	176,575,981,762
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	IV.23	5,779,881,713	153,863,548	6,347,418,722	1,024,201,884
7. Chi phí tài chính	22	IV.24	175,841,454	90,688,646	511,480,450	1,001,702,116
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		175,841,454	90,688,646	511,480,450	1,001,702,116
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		47,390,625	22,634,552	92,703,286	85,240,738
9. Chi phí bán hàng	25		5,195,090,970	11,288,788,876	27,828,486,298	31,429,946,324
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	IV.25	5,730,685,402	8,047,051,395	30,788,670,647	31,295,019,935
11. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24,472,332,200	23,690,044,994	138,883,344,871	113,958,756,009
12. Thu nhập khác	31		1,443,444,995	334,192,113	1,603,792,750	402,611,952
13. Chi phí khác	32		1,008,353,130	34,315,770	3,440,252,419	20,002,882,425
14. Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		435,091,865	299,876,343	(1,836,459,669)	(19,600,270,473)
15. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	50		24,907,424,065	23,989,921,337	137,046,885,202	94,358,485,536
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	IV.26	6,510,796,350	6,168,247,797	28,219,644,532	24,248,866,127
17. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52	IV.27	(2,743,370,149)	4,595,805,154	(1,105,096,898)	4,595,805,154
18. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	60		21,139,997,864	13,225,868,386	109,932,337,568	65,513,814,255
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		21,182,767,699	13,204,578,503	109,891,297,659	65,466,028,666
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(42,769,835)	21,289,883	41,039,909	47,785,589
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	IV.29	155.3	105.5	805.6	523.1
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu [đối với công ty cổ phần]	71		155.3	105.5	805.6	523.0

Ung Quang Sơn
Người lập biểu

Phan Tạ Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Ngày 26 tháng 01 năm 2026

Đặng Minh Huệ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	137,046,885,202	94,358,485,536
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và Bất động sản đầu tư	02	5,013,750,131	4,558,323,595
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6,347,418,722)	(762,621,396)
- Chi phí lãi vay	06	511,480,450	1,001,702,116
- Các khoản điều chỉnh khác	06	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	20	136,224,697,061	99,155,889,851
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(105,673,830,815)	(210,477,575,040)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	203,007,744,565	220,910,926,619
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(432,713,287,063)	(38,332,007,817)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	5,808,216,644	30,868,950,485
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(505,676,364)	(1,001,702,116)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(25,016,457,503)	(32,948,057,736)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(218,868,593,475)	68,176,424,246
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1,202,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(250,000,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	25,200,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,755,168,286	870,642,220
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(223,044,831,714)	869,440,220

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các CSH, mua lại cp của DN đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	408,633,792,027	48,081,183,206
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(29,816,823,950)	(348,530,357,294)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	378,816,968,077	(300,449,174,088)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(63,096,457,112)	(231,403,309,622)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	82,016,083,730	313,419,393,352
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	18,919,626,618	82,016,083,730

Ngày 26 tháng 01 năm 2026

Ứng Quang Sơn
 Người lập biểu

Phan Tạ Thanh Huyền
 Kế toán trưởng



Đặng Minh Huệ
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông ("Công ty") - trước đây Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 - là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101311837 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 9 năm 2002. Sau đó, Công ty cũng nhận được cấp các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 28 vào ngày 28 tháng 08 năm 2025.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là kinh doanh bất động sản, xây lắp và một số hoạt động khác được đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 11, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Cơ cấu tổ chức Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 02 Công ty con và 03 Công ty liên kết:

Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động chính
Công ty TNHH Hoàng Kim Thái Nguyên	100%	100%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Đầu tư DX Việt Nam	90%	90%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Mekonghomes	30%	30%	Kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hữu Nghị	35%	35%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Phát triển Nhà MEKONG	48%	48%	Kinh doanh bất động sản

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

1. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các Công ty con là Nhật ký chung.

2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các Công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

3. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

4. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế.

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Hàng tồn kho

Hàng hoá bất động sản

Bất động sản, quyền sử dụng đất được mua hoặc được xây dựng để bán hoặc để cho thuê dài hạn đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu một lần trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hoá bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, các chi phí phát triển đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của hàng hoá bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành hàng hoá bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của hàng hoá bất động sản đó.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho khác.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

18
T
H
A
Đ
O
I
K

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

5. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê:

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê:

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn hoặc lâu dài được ghi nhận là tài sản cố định vô hình căn cứ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

7. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50 năm

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	20 - 30 năm
Cơ sở hạ tầng	20 - 30 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn được cấp cho Công ty nhằm mục đích phát triển các bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được ngừng ghi nhận trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các Công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

11. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã được thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

12. Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

13. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Các khoản phải trả nhà thầu xây dựng cho dự án bất động sản được ghi nhận theo biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai bên, không phụ thuộc vào việc Công ty và Công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

14. Các khoản dự phòng

Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng chi phí bảo hành cho căn hộ

Công ty ước tính chi phí dự phòng bảo hành dựa trên doanh thu và các thông tin hiện có về việc sửa chữa của các căn hộ và biệt thự đã bán trong quá khứ.

14.010
CÔNG
TẬP
ĐOÀN
NAM
MÊ
KÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các Công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro trọng yếu và các lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang cho người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro và lợi ích trọng yếu gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản cũng bao gồm doanh thu ghi nhận một lần từ việc cho thuê dài hạn bất động sản. Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty lựa chọn phương pháp ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; và
- Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư

Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu từ hoạt động hợp tác đầu tư

Thu nhập từ hoạt động hợp tác đầu tư được xác định là phần doanh thu được chia sẻ và xác định một cách chắc chắn theo hợp đồng hợp tác đầu tư.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp cho khách hàng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức của Công ty với tư cách là nhà đầu tư được xác định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

16. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán bằng cách dựa vào khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu của dự án. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

17. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này

137-C
TY
IN
ÔNG
P. HA

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT - QUÝ IV NĂM 2025

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CĐKT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	4,240,135,315	20,763,148,440
Tiền gửi ngân hàng	14,679,491,303	6,203,935,290
Các khoản tương đương tiền (*)	-	55,049,000,000
Cộng	18,919,626,618	82,016,083,730

(*) Là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn dưới 3 tháng.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng	70,000,000,000	-
Cộng	70,000,000,000	-

(*) Là các khoản tiền gửi bằng VND tại ngân hàng thương mại, có kỳ hạn từ 3 tháng và hưởng lãi suất từ 4% tới 5%/năm.

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng bất động sản	7,871,135,964	45,494,398,950
- Dự án Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	-	-
- Dự án Khu dân cư Vinaconex 3 - Phố Yên	1,745,595,500	1,745,595,500
- Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 2	6,125,540,464	43,748,803,450
Phải thu khách hàng công trình xây lắp	23,487,529,812	23,207,978,053
Phải thu khách hàng khác	4,002,447,405	3,027,763,215
Cộng	35,361,113,181	71,730,140,218

4. Trả trước người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước các nhà thầu - Bất động sản	202,294,056,118	247,302,456,154
- Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 2	151,249,099,263	235,376,373,384
- Dự án The Charm Bình Dương	26,615,078,562	1,824,109,918
- Các dự án bất động sản khác	24,429,878,293	10,101,972,852
Trả trước người bán - Công trình xây lắp	7,677,195,019	7,677,195,019
Trả trước người bán khác	2,127,025,579	678,526,418
Cộng	212,098,276,716	255,658,177,591

Trả trước người bán dài hạn

- Dự án Hòa Bình	169,750,000,000	250,000,000,000
Cộng	169,750,000,000	250,000,000,000

5. Phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	2,171,876,848	9,136,745,163
Tạm ứng cho Chủ nhiệm đội thi công công trình giao khoán	48,561,000	48,561,000
Tạm ứng chi phí Dự án (Bồi thường GPMB, ...)	-	35,052,756,834



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT - QUÝ IV NĂM 2025

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư - Xây dựng HJC	2,930,472,638	2,930,472,638
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay	162,847,691,250	-
Dương Minh Đức	-	132,000,000,000
Trịnh Thị Xuân	58,800,000,000	-
Các khoản phải thu khác	24,600,026,664	44,508,404,658
Cộng	251,398,628,400	223,676,940,293

6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng	29,032,124,935	-	29,032,124,935	-
Phải thu cho vay	13,000,000,000	-	13,000,000,000	-
Cộng	42,032,124,935	-	42,032,124,935	-

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	676,811,083	676,811,083
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,751,496,979,773	1,954,504,724,338
- Chi phí dở dang các Dự án Bất động sản	1,749,894,535,082	1,952,902,279,647
+ Dự án Khu dân cư Vinaconex 3 - Phố Yên	17,875,490,467	17,247,995,276
+ Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 2	1,227,496,143,780	1,454,640,194,442
+ Dự án The Charms - Bình Dương	498,266,759,044	475,546,188,713
+ Chi phí dở dang các Dự án bất động sản khác	6,256,141,791	5,467,901,216
- Chi phí dở dang các công trình xây lắp và khác	1,602,444,691	1,602,444,691
Thành phẩm	-	-
Cộng	1,752,173,790,856	1,955,181,535,421

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT - QUÝ IV NĂM 2025

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	7,669,228,472	770,857,143	17,094,158,657	1,988,814,698	27,523,058,970
Mua trong kỳ	-	-	-	115,820,000	115,820,000
Tăng khác trong kỳ	6,966,990,789	102,577,095	-	-	7,069,567,884
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	14,636,219,261	873,434,238	17,094,158,657	2,104,634,698	34,708,446,854
Trong đó:					
<i>Đã tài sản đã khấu hao hết</i>		540,857,143	1,114,181,273	1,337,932,833	2,992,971,249
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	5,776,425,048	749,761,935	6,174,680,568	1,969,175,691	14,670,043,242
Khấu hao trong kỳ	1,043,068,464	21,081,984	1,597,997,736	25,019,886	2,687,168,070
Tăng khác trong kỳ	2,371,386,577	102,577,095	-	-	2,473,963,672
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	9,190,880,089	873,421,014	7,772,678,304	1,994,195,577	19,831,174,984
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	1,892,803,424	21,095,208	10,919,478,089	19,639,007	12,853,015,728
Tại ngày cuối kỳ	5,445,339,172	13,224	9,321,480,353	110,439,121	14,877,271,870

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT - QUÝ IV NĂM 2025

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Là giá trị quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần

	<u>NGUYÊN GIÁ</u>	<u>HAO MÒN LŨY KẾ</u>	<u>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</u>
Số dư đầu năm	4,375,894,383	1,668,198,107	2,707,696,276
Tăng do đầu tư, mua sắm trong kỳ	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	87,517,884	(87,517,884)
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	4,375,894,383	1,755,715,991	2,620,178,392

	<u>NGUYÊN GIÁ</u>	<u>HAO MÒN LŨY KẾ</u>	<u>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</u>
Số đầu năm	57,777,144,124	45,506,206,666	12,270,937,458
Tăng do đầu tư, mua sắm trong kỳ	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	2,413,982,000	-
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	57,777,144,124	47,920,188,666	9,856,955,458

Bất động sản đầu tư là giá trị QSD đất và cơ sở hạ tầng tại Chợ Thương (Bắc Giang) và Chợ Bo (Thái Bình).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án Nhà máy điện gió Thanh Sơn (Quảng Bình)	-	-
Dự án Nhà máy Cơ khí Hòn La (Quảng Bình)	-	711,717,335
Cộng	-	711,717,335

12. Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	396,000,000,000	146,000,000,000
Công ty Cổ phần Mekonghomes	90,000,000,000	90,000,000,000
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hữu Nghị	56,000,000,000	56,000,000,000
Công ty cổ phần Phát triển Nhà MEKONG	250,000,000,000	-
Phần lợi nhuận từ Công ty liên kết	380,927,956	288,224,670
Cộng	396,380,927,956	146,288,224,670

Chi tiết tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại các công ty con và công ty liên kết như sau:

	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>		<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty con				
Công ty TNHH Hoàng Kim Thái Nguyên	100%	100%	100%	100%
Công ty CP Đầu tư DX Việt Nam	90%	0%	90%	0%
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Mekonghomes	30%	0%	30%	0%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT - QUÝ IV NĂM 2025

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hữu Nghị	35%	0%	35%	0%
Công ty cổ phần Phát triển Nhà MEKONG	48%	0%	48%	0%

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả nhà thầu thi công, tư vấn các Dự án bất động sản	46,977,153,066	394,366,463,237
Phải trả người bán khác	20,354,549,866	19,806,778,362
Cộng	67,331,702,932	414,173,241,599

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng nộp tiền theo tiến độ các Dự án bất động sản:	72,034,877,264	323,789,330,923
- Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 2	72,034,877,264	323,789,330,923
Người mua trả trước khác	2,194,920,000	76,332,558
Cộng	74,229,797,264	323,865,663,481

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT	4,011,458,206	2,129,234,323
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	36,450,442,927	33,379,503,156
Thuế Thu nhập cá nhân	883,570,914	1,070,170,000
Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế, phí khác	-	-
Cộng	41,345,472,047	36,578,907,479

16. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí các công trình	2,249,187,565	2,249,187,565
Trích trước chi phí các Dự án bất động sản:	153,204,850,365	158,446,320,381
- Dự án Khu dân cư Vinaconex 3 - Phố Yên	3,809,621,390	3,809,621,390
- Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 2	141,546,723,724	146,788,193,740
- Dự án Tổ hợp 310 Minh Khai	7,848,505,251	7,848,505,251
Trích trước chi phí lãi vay	-	-
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	3,034,849,895	2,147,204,124
Cộng	158,488,887,825	162,842,712,070

17. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	2,089,168,384	3,294,590,131
Dự án Chợ Thương (Bắc Giang)	2,089,168,384	2,089,168,384
Dự án Chợ Bo (Thái Bình)	-	1,205,421,747
Dài hạn	10,677,033,209	12,720,389,264
Dự án Chợ Thương (Bắc Giang)	10,677,033,209	12,720,389,264
Cộng	12,766,201,593	16,014,979,395

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT - QUÝ IV NĂM 2025

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng đặt cọc giữ chỗ các Dự án bất động sản:	14,752,814,079	14,159,417,974
- Dự án Khu dân cư Vinaconex 3 - Phố Yên	7,111,508,860	7,151,508,860
- Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 2	1,807,193,105	-
- Dự án Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	5,834,112,114	5,834,112,114
Công ty CP Bất động sản VINA INVEST	650,000,000,000	590,260,000,000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	35,021,349,313	3,780,496,362
Cộng	699,774,163,392	608,199,914,336

19. Vay

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	123,030,639,730	116,255,973,796
Vay ngân hàng	11,070,365,516	3,126,566,546
Vay tổ chức, cá nhân	111,960,274,214	111,960,274,214
Vay dài hạn đến hạn trả	-	1,169,133,036
Vay dài hạn	372,882,961,698	840,659,555
Vay ngân hàng	372,882,961,698	840,659,555
Vay tổ chức, cá nhân	-	-
Cộng	495,913,601,428	117,096,633,351

C.P.

M.S.D.N.: 01
C.T
NAM MÊ KÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT - QUÝ IV NĂM 2025

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu**20.1 - Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số đầu năm	1,251,509,390,000	10,731,436,000	2,100,000,000	56,608,219	121,028,328,160	20,327,078,056	1,405,752,840,435
Tăng vốn trong kỳ	112,633,190,000	-	-	-	-	-	112,633,190,000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	109,932,337,568	41,039,909	109,973,377,477
Trả cổ tức	-	-	-	-	(112,633,190,000)	-	(112,633,190,000)
Số dư cuối kỳ	1,364,142,580,000	10,731,436,000	2,100,000,000	56,608,219	118,327,475,728	20,368,117,965	1,515,726,217,912

20.2 - Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	125,150,939	125,150,939
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	136,414,258	125,150,939
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	136,414,258	125,150,939
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là VC3 từ ngày 13 tháng 12 năm 2007. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 10.000 VND/cổ phiếu).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT - QUÝ IV NĂM 2025

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
21. Doanh thu		
Tổng doanh thu	72,057,609,957	157,406,515,758
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu kinh doanh bất động sản	69,789,137,087	155,761,912,910
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
Doanh thu bán hàng hóa	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2,268,472,870	1,644,602,848
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	72,057,609,957	157,406,515,758
22. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn kinh doanh bất động sản	41,556,091,155	112,910,322,285
Giá vốn hợp đồng xây dựng	-	-
Giá vốn hàng hóa	-	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	754,841,114	1,556,117,662
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	42,310,932,269	114,466,439,947
23. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, cho vay	5,779,881,713	153,863,548
Lãi thanh lý khoản đầu tư	-	-
Cộng	5,779,881,713	153,863,548
24. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	175,841,454	90,688,646
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	-	-
Dự phòng các khoản đầu tư	-	-
Cộng	175,841,454	90,688,646
25. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	2,971,386,915	4,999,844,504
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	6,488,617
Chi phí khấu hao TSCĐ	516,422,216	524,772,903
Thuế, phí lệ phí	599,964,374	497,164,213
Chi phí dịch vụ mua ngoài	805,952,477	1,561,723,112
Chi phí khác	836,959,420	457,058,046
Cộng	5,730,685,402	8,047,051,395

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT - QUÝ IV NĂM 2025

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các Công ty con trong kỳ báo cáo là 20% thu nhập chịu thuế.

26.1. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24,907,424,065	23,989,921,337
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	4,981,484,813	4,797,984,267
Các khoản điều chỉnh tăng	1,529,311,537	5,966,068,684
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thuế TNDN tạm nộp thu tiền theo tiến độ chuyển nhượng BĐS	-	(4,595,805,154)
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành năm trước	-	-
Cộng	6,510,796,350	6,168,247,797

26.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ báo cáo. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các Công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các Công ty con được tính theo thuế suất đang áp dụng đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
1% Thuế TNDN tạm nộp của các Hợp đồng mua bán ghi nhận doanh thu trong kỳ này	(2,743,370,149)	4,595,805,154
Cộng	(2,743,370,149)	4,595,805,154

28. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các Bên liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 như sau

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Hoàng Kim Thái Nguyên	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hữu Nghị	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Mekonghomes	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Phát triển Nhà MEKONG	Công ty liên kết
Ông Kiều Xuân Nam	Chủ tịch HĐQT
Ông Đặng Minh Huệ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Ưởng	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT - QUÝ IV NĂM 2025

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ông Phí Anh Dũng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hoàng	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD
Ông Võ Đình Lượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thu Nga	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Phạm Thị Vân	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Phan Tạ Thanh Huyền	Kế toán trưởng
Ông Kiều Xuân Phan	Bên liên quan của ông Kiều Xuân Nam

28.1 Thu nhập của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ báo cáo:

	Năm nay	Năm trước
Chủ tịch và thành viên HĐQT không kiêm nhiệm	184,200,000	184,200,000
Thành viên HĐQT kiêm thành viên Ban TGD	453,000,000	454,241,000
Thành viên Ban TGD khác	134,400,000	134,400,000
Thành viên Ban Kiểm soát	287,700,000	287,505,000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT - QUÝ IV NĂM 2025

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty và các Công ty con sử dụng các thông tin sau để xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21,182,767,699	13,204,578,503
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	21,182,767,699	13,204,578,503
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	136,414,258	125,150,939
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	155.3	105.4

Ngày 26 tháng 01 năm 2026

Ứng Quang Sơn
Người lập

Phan Tạ Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Đặng Minh Huệ
Tổng Giám đốc